TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành;
2. Ông Dương Văn Siêng;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:* Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Hồng N - sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn A - sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lưu Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh A cưới nhau vào năm 2004, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2009. Sau khi cưới chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, chị và anh A đã ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhận không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/10/2005, hiện cháu H đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

** Bị đơn anh Lê Văn A vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 05/6/2023 anh A trình bày:*

Vợ chồng anh đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2005, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau này có nhiều bất đồng, vợ anh đi làm có quen người khác, nhưng anh vẫn bỏ qua tất cả cho vợ anh, nên anh không ký đơn ly hôn vì anh còn thương vợ, nếu Tòa buộc anh phải ly hôn thì con chung đi theo ai thì người đó nuôi, tài sản không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Ngoài ra, anh không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Lưu Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt, anh Lê Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh An vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh A có tổ chức lễ cưới và đến ngày 14/02/2009 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đồng T cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị N cho rằng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân hơn một năm. Anh A không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh vẫn thương vợ con cho dù thừa nhận trong đời sống vợ chồng có nhiều bất đồng. Tuy nhiên, thấy thực tế anh chị có xảy ra mâu thuẫn, mặc khác trong thời gian dài anh chị ly thân cả hai cũng không tìm được tiếng nói chung, hàn gắn lại được, cả anh A và chị N cũng không đưa ra được phương án nào để anh chị tiếp tục đời sống vợ chồng, Tòa án mời anh A để hòa giải, tham dự phiên tòa thì anh A đều vắng mặt, chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến việc gặp chị N để hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/10/2005, hiện nay cháu H đang sống chung chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu H có nguyện vọng sống với chị N, chị N cũng có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H, anh A không ý kiến gì, con chung muốn sống với ai cũng được nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh A chưa yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Văn A.

2. Về con chung: Chị Lưu Thị Hồng N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 31/10/2005.

Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H sau khi ly hôn, chị N cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026923 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị N đã nộp xong án phí. Anh A không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh A được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
-VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.